

A. KHUNG MA TRẬN

TT	Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Một số yếu tố thống kê và xác suất	Thu thập, tổ chức, biểu diễn, phân tích và xử lý dữ liệu	2 (TN1,2) 0,4đ								2,0
		Mô tả và biểu diễn dữ liệu trên các bảng, biểu đồ	1 (TN3,4) 0,4đ								
		Một số yếu tố xác suất	1 (TN5) 0,2đ	2 (TL1a,b) 1,0đ							
2	Phân số	Phân số với tử và mẫu là số nguyên	1 (TN6) 0,2đ								5,4
		Phép cộng, trừ, nhân, chia phân số.	3 (TN7,8) 0,4đ			1 (TL2a) 0,5đ				1 (TL6) 0,5đ	
		Số thập phân	3 (TN10,11,12) 0,6đ			2 (TL2b,3a) 1đ		1 (TL3b) 0,5đ			

		Hai bài toán về phân số	1 (TN9) 0,2đ					1 (TL4) 1,5đ			
3	Hình học cơ bản	Điểm, đường thẳng, Đoạn thẳng, tia.				2 (TL5a,b) 1,5đ				1 (TL5c) 0,5đ	2,6
		Góc	3 (TN13,14,15) 0.6đ								
Tổng: Số câu Điểm			15 3,0	2 1,0		5 3,0		2 2,0		2 1,0	26 10,0
Tỉ lệ %			40%		30%		20%		10%		100%
Tỉ lệ chung			70%				30%				100%

B. BẢN ĐẶC TẢ MA TRẬN

TT	Chương/Chủ đề		Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
	Một số yếu tố thống kê và xác suất	Thu thập, tổ chức, biểu diễn, phân tích và xử lý dữ liệu	Nhận biết: Thực hiện được việc thu thập, phân loại dữ liệu theo các tiêu chí cho trước từ những nguồn: bảng biểu, kiến thức trong thực tiễn.	1TL (TL1,2)			
		Mô tả và biểu diễn dữ liệu trên các bảng, biểu đồ	Nhận biết: - Đọc và mô tả thành thạo các dữ liệu ở dạng: biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép	2TN (TN3,4)			
		Một số yếu tố xác suất	Nhận biết: - Làm quen với mô hình xác suất trong một số trò chơi, thí nghiệm đơn giản - Biết dùng phân số để mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần thông qua kiểm đếm số lần lặp lại của khả năng đó trong một số mô hình xác suất đơn giản.	1TN (TN5) 2TL (TL1a,b)			
2	Phân số	Phân số. Tính chất cơ bản của phân số.	Nhận biết: - Biết rút gọn được phân số về phân số tối giản.	1TN (TN6)			
		Phép cộng, trừ, nhân, chia phân số.	- Nhận biết được phân số nghịch đảo, tính được phép chia phân số - Thông hiểu	2TN (TN7,8)	1TL		

			<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được các quy tắc cộng trừ nhân chia phân số để tính giá trị biểu thức - Vận dụng - Vận dụng được các quy tắc cộng trừ nhân chia phân số để tìm x 		(TL2a)		
		Số thập phân	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết viết phân số về số thập phân và ngược lại, biết làm tròn số thập phân. - Thông hiểu Hiểu được các quy tắc cộng trừ nhân chia số thập phân để tính giá trị biểu thức, tìm x 	3TN (TN10,11,12)	2TL (TL2b,3a)		1TL (TL3b)
		Hai bài toán về phân số	<ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng - Vận dụng giải Bài toán thực tế tính giá trị phân số một số cho trước 	3TN (TN9)			1TL (TL4)
4	Các hình học cơ bản	Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng	<p>Thông hiểu:</p> <p>Hs Vẽ hình và Tính độ dài đoạn thẳng. Trung điểm đoạn thẳng</p> <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hs vận dụng kiến thức Vẽ hình và Tính độ dài đoạn thẳng. 		2 (TL5a,b)		1 (TL5c)
		Góc	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được các góc và đọc được số đo góc. 	3TN (TN13,14,15)			

I. TRẮC NGHIỆM: (3 điểm) Hãy chọn đáp án đúng nhất trong các câu sau:

Câu 1. Một nhóm bạn thân gồm 6 người đi đến một quán trà chanh và mua các loại nước uống và các loại nước uống được ghi lại trong bảng sau:

Nước cam	Nước dưa hấu	Nước chanh	Nước dừa	Nước cam
----------	--------------	------------	----------	----------

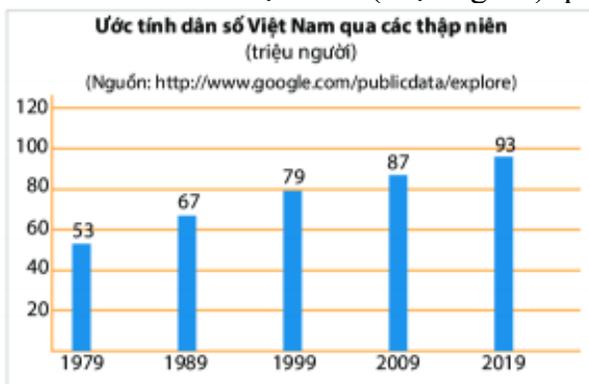
Có bao nhiêu loại nước được mua?

- A. 5 B. 4 C. 3 D. 2

Câu 2. Sau kiểm tra sức khỏe, giáo viên yêu cầu mỗi học sinh của lớp 6B ghi lại số đo chiều cao của các bạn trong cùng tổ. Bạn Châu liệt kê số đo chiều cao (theo đơn vị: cm) của các bạn trong cùng một tổ như sau: 140; 150; 140; 151; 142; 152; 154; 146; 138; 154. Chiều cao bạn thấp nhất trong tổ của Châu là:

- A. 140 B. 142 C. 143 D. 150

Câu 3: Biểu đồ dưới đây ước tính dân số Việt Nam (triệu người) qua các thập niên:



Hình 1

Em hãy cho biết, dân số Việt Nam trong năm 1989 là:

- A. 53 triệu người B. 67 triệu người C. 79 triệu người D. 93 triệu người

Câu 4: Cho biểu đồ tranh số học sinh khối lớp 6 được điểm 10 môn Toán trong tuần như sau:

Ngày	Số học sinh được điểm 10 môn Toán
Thứ Hai	2
Thứ Ba	1
Thứ Tư	5
Thứ Năm	2
Thứ Sáu	5

● = 1 học sinh

Số học sinh được điểm 10 môn Toán vào Thứ Tư là bao nhiêu?

- A. 1 B. 2 C. 5 D. 4

Câu 5 : Gieo một con xúc xắc cân đối 6 mặt và đồng chất. Tập hợp tất cả các kết quả có thể xảy ra khi tung là.

- A. $X = \{1, 2, 3, 4, 5, 6\}$. B. $X = \{1, 2, 3\}$. C. $X = \{1, 3, 5\}$. D. $X = \{2, 4, 6\}$.

Câu 6: Khi rút gọn phân $\frac{-27}{63}$ ta được phân số tối giản là:

- A. $\frac{3}{7}$ B. $\frac{9}{21}$ C. $\frac{-3}{7}$ D. $\frac{-9}{21}$

Câu 7: Số nghịch đảo của $\frac{-6}{11}$ là:

- A. $\frac{6}{11}$ B. $\frac{11}{-6}$ C. $\frac{-6}{-11}$ D. $\frac{-11}{-6}$

Câu 8: $\frac{3}{4}$ của 60 là:

- A. 30 B. 45 C. 60 D. 80

Câu 9: Thực hiện phép tính sau: $\frac{2}{5} : \frac{4}{3}$ Kết quả là:

- A. $\frac{8}{15}$ B. $-\frac{3}{10}$. C. $\frac{3}{10}$. D. $-\frac{8}{15}$.

Câu 10: Viết phân số $\frac{131}{1000}$ dưới dạng số thập phân ta được

- A. 0,0131 B. 0,1331 C. 1,31 D. 0,131

Câu 11: Viết số thập phân 0,25 về dạng phân số ta được kết quả là

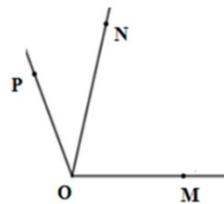
- A. $\frac{5}{2}$ B. $\frac{-5}{2}$ C. $\frac{1}{4}$ D. $\frac{1}{5}$

Câu 12: Làm tròn số 251,6823 đến hàng phần mười là

- A. 251,6 B. 251,68 C. 251,7 D. 251,69

Câu 13: Kể tên các góc có trên hình vẽ

- A. \widehat{MON} B. \widehat{MON} , \widehat{NOP} , \widehat{MOP}
 C. \widehat{MON} , \widehat{NOP} D. \widehat{NOP}



Câu 14: Góc trên hình có số đo bao nhiêu độ

- A. 130^0 B. 40^0
 C. 60^0 D. 50^0



Câu 15: Góc vuông có số đo là:

- A. 45^0 B. 90^0 C. Nhỏ hơn 90^0 D. 180^0

B. TỰ LUẬN: (7điểm)**Bài 1 (1,0 điểm):** Gieo một xúc xắc 6 mặt 100 lần liên tiếp, ta được kết quả như sau:

Mặt	1 chấm	2 chấm	3 chấm	4 chấm	5 chấm	6 chấm
Số lần	18	14	15	20	16	17

a) Hãy tính xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt 4 chấm.

b) Hãy tính xác suất thực nghiệm xuất hiện được mặt có số chấm lẻ.

Bài 2 (1,0 điểm): Thực hiện phép tính (Tính hợp lý nếu có thể).

a) $\frac{-5}{8} \cdot \frac{5}{12} + \frac{-5}{8} \cdot \frac{7}{12} + 2\frac{1}{8}$

b) $(-35,8) + (-17,2) + 16,4 + 4,6$

Bài 3 (1,0 điểm) : Tìm x biết

a) $x - 5,01 = 7,02 - 2.1,5$

b) $x + \frac{3}{10} = \frac{7}{15} \cdot \frac{3}{5}$

Bài 4 (1,5 điểm): Có một tập bài kiểm tra gồm 45 bài được xếp thành ba loại: Giỏi, khá và trung bình. Trong đó số bài đạt điểm giỏi bằng $\frac{2}{9}$ tổng số bài kiểm tra. Số bài đạt điểm khá nhiều gấp đôi số bài đạt điểm giỏi. Còn lại là số bài đạt điểm trung bình.

a) Tính số bài trung bình.

b) Tính tỷ số phần trăm số bài đạt điểm trung bình so với tổng số bài.

Bài 5 (2,0 điểm): Trên tia Ox lấy hai điểm M và N sao cho OM = 4 cm, ON = 8cm.

a) Tính độ dài đoạn thẳng MN.

b) Điểm M có phải là trung điểm của đoạn thẳng ON hay không? Vì sao?

c) Trên tia đối của tia Nx, lấy điểm H sao cho NI = 2cm. Tính độ dài đoạn thẳng MI

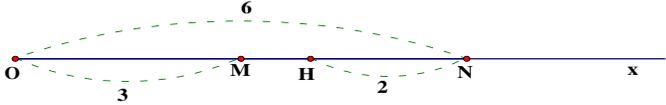
Bài 6 (0,5 điểm): Tính tổng : $S = \frac{5^2}{1.6} + \frac{5^2}{6.11} + \frac{5^2}{11.16} + \dots + \frac{5^2}{96.101}$ -----**HẾT**-----

I. Phần trắc nghiệm (3,0 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
Đ/A	A	A	B	A	A	C	B	B	C	D	C	D	B	D	B
Điểm	0.2	0.2	0.2	0.2	0.2	0.2	0.2	0.2	0.2	0.2	0.2	0.2	0.2	0.2	0.2

II. TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Bài	Nội dung	Điểm
Bài 1 (1,0 điểm)	a) Xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt 6 chấm là $\frac{17}{100}$	0,5
	b) Số lần xuất hiện mặt có số chấm lẻ là $18+15+16 = 49$ (lần)	0,25
	Xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt có số chấm lẻ $\frac{49}{100}$	0,25
Bài 2 (1,0 điểm)	a) $\frac{-5}{8} \cdot \frac{5}{12} + \frac{-5}{8} \cdot \frac{7}{12} + 2 \cdot \frac{1}{8} = \frac{-5}{8} \cdot (\frac{5}{12} + \frac{7}{12}) + \frac{17}{8}$ $= \frac{-5}{8} \cdot 1 + \frac{17}{8} = \frac{12}{8} = \frac{3}{2}$	0,25 0,25
	b) $(-35,8) + (-17,2) + 16,4 + 4,6$ $= [(-35,8) + (-17,2)] + [16,4 + 4,6]$ $= -53 + 21 = -32$	0,25 0,25
Bài 3 (1,0 điểm)	a) $x - 5,01 = 7,02 - 2.1,5$ $x - 5,01 = 4,02$ $x = 4,02 + 5,01$ $x = 9,03$ Vậy $x = 9,03$	0,25 0,25
	b) $x + \frac{3}{10} = \frac{7}{15} \cdot \frac{3}{5}$ $x + \frac{3}{10} = \frac{7}{25}$ $x = \frac{7}{25} - \frac{3}{10}$ $x = -\frac{1}{50}$ Vậy $x = -\frac{1}{50}$	0,25 0,25

Bài 4 (1,5 điểm)	a) Số bài đạt điểm giỏi là: $45 \cdot \frac{2}{9} = 10$ (bài) Số bài đạt điểm khá là: $2 \cdot 10 = 20$ (bài) Số bài đạt điểm trung bình là: $45 - (10 + 20) = 15$ (bài)	0,5 0,25 0,25
	b) Tỷ số phần trăm số bài đạt điểm trung bình so với tổng số bài là: $\frac{15}{45} \cdot 100\% = 33,3\%$	0,5
Bài 5 (3,0 điểm)	- Vẽ hình đúng cho câu a)	0.5
		
	a) Theo hình vẽ ta có : + Vì điểm M nằm giữa O và N Ta có $OM + MN = ON$ $\Rightarrow 3 + MN = 6$ $\Rightarrow MN = 3$. Vậy độ dài đoạn thẳng $MN = 3(\text{cm})$	0.25 0.25
	b) Ta có điểm M nằm giữa hai điểm O ; N và $OM = MN (= 3\text{cm})$. Vậy điểm M là trung điểm của đoạn thẳng ON.	0.25 0.25
	c) Theo hình vẽ : +) Ta có H nằm giữa 2 điểm M và N nên $MI + IN = MN$ $\Rightarrow MI + 2 = 3$ $\Rightarrow MI = 1$. Vậy độ dài đoạn thẳng $MH = 1(\text{cm})$	0.25 0.25
Bài 6 (0,5 điểm)	$S = \frac{5^2}{1 \cdot 6} + \frac{5^2}{6 \cdot 11} + \frac{5^2}{11 \cdot 16} + \dots + \frac{5^2}{96 \cdot 101} = 5 \left(\frac{5}{1 \cdot 6} + \frac{5}{6 \cdot 11} + \frac{5}{11 \cdot 16} + \dots + \frac{5}{96 \cdot 101} \right)$ $= 5 \left(\frac{1}{1} - \frac{1}{6} + \frac{1}{6} - \frac{1}{11} + \frac{1}{11} - \frac{1}{16} + \dots + \frac{1}{96} - \frac{1}{101} \right) = 5 \left(1 - \frac{1}{101} \right) = 5 \cdot \frac{100}{101} = \frac{500}{101}$	0.25 0,25

Ghi chú: Học sinh làm theo cách khác nếu đúng thì vẫn cho điểm tối đa.

NGƯỜI THẨM ĐỊNH ĐỀ

NGƯỜI RA ĐỀ

Vũ Thị Hà